

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1116/2026/DS-ST

Ngày: 01/06/2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Hải**

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông **Phạm Văn Tuyên**

2) Bà **Võ Thị Thanh Thảo**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Kim Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Thu Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1430/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1268/2026/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 1665/2026/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T1 (Việt Nam).

Địa chỉ: Số I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty L1, (theo Giấy ủy quyền số 22/2025/GUQ-MAFC lập ngày 17/4/2025).

Người được ủy quyền lại: Bà Lâm Thị Thùy D, sinh năm: 2000; Địa chỉ liên hệ: P, Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), (theo Giấy ủy quyền lập ngày 17/4/2025)_Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông **Ninh Khắc Thanh H1**, sinh năm: 1967 _Vắng mặt.

CCCD số: 079067017067;

Địa chỉ: số D B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) có người đại diện là bà Lâm Thị Thùy D trình bày:

Ngày 06/07/2022 Công ty T1 (Việt Nam) (gọi tắt là Công ty) và ông Ninh Khắc Thanh H1 có ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 3346795 (sau đây ghi tắt là HĐTD) về việc cấp tín dụng cho ông H1 với nội dung như sau:

- Số tiền vay: 31.980.000 đồng, bao gồm số tiền giải ngân là 30.000.000 đồng giải ngân ngày 06/7/2022 vào số tài khoản cá nhân 060121583979 mở tại Ngân hàng S và 1.980.000 đồng phí bảo hiểm.

- Thời hạn vay: 24 tháng (từ ngày 25/07/2022 đến ngày 25/06/2024)

- Lãi suất: 44%/năm.

Sau khi được giải ngân ông H1 đã thanh toán 18.386.500 đồng (Trong đó: G đã trả: 9.498.897 đồng; L đã trả: 8.748.405 đồng; Lãi chậm trả đã trả: 31.198 đồng; Phí thu hộ đã trả: 108.000 đồng). Tuy nhiên, từ ngày 28/03/2023, ông H1 đã không thanh toán/thanh toán không đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T1 (Việt Nam) đã giải ngân. Do đó, kể từ ngày 25/04/2023 (kỳ thanh toán thứ 10) công ty bắt đầu tính nợ quá hạn đối với từng kỳ thanh toán mà ông H1 vi phạm.

Công ty T1 (Việt Nam) đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị ông H1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để thông báo trực tiếp cho ông H1 biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, ông H1 vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T1 (Việt Nam).

Tạm tính đến ngày 01/6/2026 ông Ninh Khắc Thanh H1 còn nợ Công ty T1 (Việt Nam) số tiền 68.204.458 đồng. Cụ thể:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 22.481.103 đồng.

- Số tiền lãi trong hạn: 6.958.678 đồng.

- Số tiền lãi quá hạn: 36.879.470 đồng.

- Số tiền lãi chậm trả: 1.885.207 đồng.

* Diễn giải công thức tính lãi:

1/ Lãi trong hạn = Tổng số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ (tính đến thời điểm tính lãi)

2/ Lãi quá hạn: (Quy định tại khoản 8.3 Điều 8 của HĐTD)

a) Số tiền lãi quá hạn từng kỳ:

= $150\% \times \text{Lãi suất}\% \times \text{Số tiền gốc chưa trả mỗi kỳ} \times \text{Số ngày quá hạn: 365 ngày}$

b) Số tiền lãi quá hạn:

= Tổng số tiền lãi quá hạn từng kỳ (tính đến thời điểm tính lãi)

3/ Lãi chậm trả: (Quy định tại khoản 8.3 Điều 8 của HĐTD)

a) Số tiền lãi chậm trả từng kỳ:

= $10\% \times \text{Số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ} \times \text{Số ngày quá hạn: 365 ngày}$

b) Số tiền lãi chậm trả:

= Tổng số tiền lãi chậm trả từng kỳ (tính đến thời điểm tính lãi)

Cách tính lãi trên được căn cứ tại Điều 8.3 Hợp đồng tín dụng, Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 về Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, và khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Mặc dù Công ty đã thông báo nhắc nợ nhưng ông Ninh Khắc Thanh H1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng cho Công ty. Do đó, Công ty T1 (Việt Nam) yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Ninh Khắc Thanh H1 phải thanh toán cho Công ty tổng số tiền tạm tính đến ngày 01/6/2026 là 68.204.458 đồng (Sáu mươi tám triệu hai trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm năm mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 22.481.103 đồng, lãi trong hạn là 6.958.678 đồng, lãi quá hạn là 36.879.470 đồng, lãi chậm trả là 1.885.207 đồng.

- Buộc ông Ninh Khắc Thanh H1 có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày 02/6/2026 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn ông Ninh Khắc Thanh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Ninh Khắc Thanh H1 vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy báo hợp lệ. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Ninh Khắc Thanh H1 là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) đối với bị đơn ông Ninh Khắc Thanh H1. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty T1 (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu ông Ninh Khắc Thanh H1 thanh toán số tiền vốn vay và lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ kết quả xác minh ngày 05/02/2026 của Công an phường P, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn ông Ninh Khắc Thanh H1 có đăng ký cư trú và thực tế cư trú tại địa chỉ D B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 3 Nghị quyết số

81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) là bà Lâm Thị Thùy D vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Ninh Khắc Thanh H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D, ông H1.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Ninh Khắc Thanh H1 đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng ông H1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đã được Tòa án thông báo cho ông H1 biết nhưng đến tại phiên tòa hôm nay ông H1 vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản gì thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[4.2] Ngày 06/7/2022, ông Ninh Khắc Thanh H1 ký kết Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3346795 vay Công ty T1 (Việt Nam) số tiền 31.980.000 đồng, bao gồm số tiền vay là 30.000.000 đồng và 1.980.000 đồng phí bảo hiểm; Thời hạn vay: 24 tháng (từ ngày 25/07/2022 đến ngày 25/06/2024); Lãi suất vay là 44%/năm; Thanh toán bằng hình thức trả góp hàng tháng, mỗi tháng trả 2.039.478 đồng và tháng cuối cùng trả 1.067.089 đồng, bắt đầu trả từ ngày 25/7/2022 đến ngày 25/6/2024.

Công ty T1 (Việt Nam) được Ngân hàng N cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty T1 (Việt Nam) số 73/GP-NHNN ngày 12/11/2021. Tại Điều 4 của Giấy phép, về nội dung hoạt động, Công ty T1 (Việt Nam) được thực hiện các hoạt động của công ty tài chính tín dụng tiêu dùng theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng N, gồm: "... 2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng;...".

Hợp đồng tín dụng ký giữa Công ty T1 (Việt Nam) và ông Ninh Khắc Thanh H1 được thực hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu điện tử. Nhà cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh Công ty TNHH H4 (TP Hà Nội) đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chứng thư số FPT CA cho tên thuê bao Ninh Khắc Thanh H1, số serial 540101046911D5CEEF66E8F54C8735C4;

Công ty TNHH H4 được Bộ trưởng Bộ T2 cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng số 809/GP-BTTTT ngày 09/12/2021.

Xét Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3346795 được ký kết ngày 04/7/2022 giữa Công ty T1 (Việt Nam) và ông Ninh Khắc Thanh H1 trên cơ sở tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, các thỏa thuận trong hợp đồng có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 4, Điều 21, Điều 24, Điều 33, Điều 34, Điều 36 của Luật Giao dịch điện tử năm 2005 nên có hiệu lực, buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

[4.3] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3346795 ký ngày 04/7/2022 giữa ông Ninh Khắc Thanh H1 và Công ty T1 (Việt Nam), Công ty T1 (Việt Nam) đã cho ông Ninh Khắc Thanh H1 vay số tiền 31.980.000 đồng, trong đó: số tiền vay là 30.000.000 đồng và phí bảo hiểm là 1.980.000 đồng; thời hạn vay là 24 tháng; lãi suất là 3,67%/tháng (tương đương 44%/năm). Theo thỏa thuận thì ông Ninh Khắc Thanh H1 có trách nhiệm thanh toán bằng hình thức trả góp hàng tháng, mỗi tháng trả 2.039.478 đồng từ ngày 25/7/2022 đến ngày 25/5/2024 và tháng cuối cùng trả 1.067.089 đồng vào ngày 25/6/2024.

Thực hiện hợp đồng, Công ty T1 (Việt Nam) đã giải ngân số tiền vay nêu trên bằng hình thức chuyển tiền vào số tài khoản 060121583979 của ông Ninh Khắc Thanh H1 tại Ngân hàng TMCP S1 (S), ông H1 đã nhận đủ tiền và đã thanh toán cho Công ty T1 (Việt Nam) được 18.386.500 đồng, trong đó: gốc đã trả là 9.498.897 đồng, lãi đã trả là 8.748.405 đồng, lãi chậm trả đã trả là 31.198 đồng, phí thu hộ đã trả là 108.000 đồng. Kể từ ngày 28/3/2023 đến nay, ông H1 không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho Công ty dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở, đôn đốc ông H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do ông H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty T1 (Việt Nam) đã chấm dứt cho vay và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và ông H1 phải chịu lãi trên nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả theo quy định hợp đồng tín dụng mà ông H1 đã ký với Công ty.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận.

2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*”.

Xét thấy bị đơn ông Ninh Khắc Thanh H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù Công ty T1 (Việt Nam) đã thông báo nhắc nợ và nhiều lần đôn đốc phía bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn không thanh toán đầy đủ cho Công ty là đã vi phạm các điều khoản

thỏa thuận đã ký kết trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3346795 ngày 04/7/2022. Do đó, Công ty T1 (Việt Nam) yêu cầu ông Ninh Khắc Thanh H1 có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc 22.481.103 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.4.] Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông Ninh Khắc Thanh H1 trả tiền lãi tạm tính đến ngày 01/6/2026 là 45.723.355 đồng (gồm lãi trong hạn là 6.958.678 đồng, lãi quá hạn là 36.879.470 đồng, lãi chậm trả là 1.885.207 đồng) và yêu cầu ông Ninh Khắc Thanh H1 phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty T1 (Việt Nam). Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại khoản 2 Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

Tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: *“Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”*.

Tại khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định:

“4. Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả;

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.”

Tại Mục 8.3 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3346795 ngày 04/7/2022 của Công ty T1 (Việt Nam) quy định về trách nhiệm thanh toán: *“Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận thì ngoài việc trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận thì khách hàng còn phải chịu tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và tiền lãi chậm trả...”*.

Từ những viện dẫn và phân tích nêu trên, Công ty T1 (Việt Nam) yêu cầu ông Ninh Khắc Thanh H1 trả tiền lãi tạm tính đến ngày 01/6/2026 là 45.723.355 đồng (gồm lãi trong hạn là 6.958.678 đồng, lãi quá hạn là 36.879.470 đồng, lãi chậm trả là 1.885.207 đồng) và tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 4, Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Căn cứ Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 (Việt Nam) đối với ông Ninh Khắc Thanh H1.

Buộc ông Ninh Khắc Thành H2 có trách nhiệm trả cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền 68.204.458 đồng (Sáu mươi tám triệu hai trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm năm mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 22.481.103 đồng, lãi trong hạn là 6.958.678 đồng, lãi quá hạn là 36.879.470 đồng, lãi chậm trả là 1.885.207 đồng.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Ninh Khắc Thanh H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức

lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí:

- Ông Ninh Khắc Thanh H1 chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.410.223 đồng (Ba triệu bốn trăm mười nghìn hai trăm hai mươi ba đồng).

- H3 lại cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí là 898.358 đồng (Tám trăm chín mươi tám nghìn ba trăm năm mươi tám đồng) theo biên lai thu số 0036959 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Đã giải thích cho đương sự (người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự) biết về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự).

- **Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND khu vực 10 – TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.



T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Hải